
TUẦN I:

Ngày soạn: Chủ Nhật 19/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Hai 20/08/2012.

TOÁN. **ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100.**

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết đếm, đọc, viết các số đến 100
- Nhận biết được các số có một chữ số, các số có hai chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có hai chữ số; số liền trước, số liền sau.
- Tìm số lớn nhất tròn chục. (HS khá, giỏi.)

2. Kỹ năng:

- Viết các số đúng thứ tự và chân phương.
- Nhanh, chính xác. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDTT: HS có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** 1 bảng các ô vuông.
- **HS:** Vở – SGK – bảng con.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. **Ổn định:** Hát.

2. **Kiểm bài cũ:**

- KT đồ dùng học tập của học sinh.
- **Nhân xét:**

3. **Bài mới:**

❖ **Giới thiệu:** Ôn tập các số đến 100.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Ôn tập các số trong phạm vi 10. (Thực hành).

Bài 1: HS làm bảng con (hoặc HS làm miệng).

Hoạt động 2: Ôn tập các số có hai chữ số. (P² vấn đáp).

Bài 2: a/ HS nêu miệng.

Hoạt động 3: Củng cố về số liền trước, số liền sau (Thực hành).

Bài 3: HS làm vở.

4. **Củng cố:**

- **GDTT:**
- **Nhân xét:**

5. **Dặn dò:**

- **Chuẩn bị bài:** “Ôn tập các số đến 100 (tiếp theo)”.
- **HS:** Vở – SGK – bảng con.

* **Rút kinh nghiệm:**

Ngày soạn: Thứ Hai 20/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Ba 21/08/2012.

TOÁN.

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (TT).

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết viết số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị, thứ tự của các số.
- Biết so sánh các số trong phạm vi 100.

2. Kỹ năng:

- Viết số có hai chữ số, số chục, đơn vị, thứ tự của các số, so sánh các số.
- Thực hành được các bài tập đúng, rõ ràng.

3. Thái độ:

- GDHS HS có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Bảng cài – số rời.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định: Hát.

2. Kiểm bài cũ: “Ôn tập các số đến 100”.

Nhân xét:

3. Bài mới:

❖ **Gới thiệu:** Ôn tập các số đến 100.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Củng cố về đọc, viết, phân tích số.

Bài 1: HS làm bảng con.

Bài 2: HS khá, giỏi làm miệng. (Giảm).

Hoạt động 2: So sánh các số. (Thực hành)

Bài 3: HS làm vở.

Bài 4: (Tln: 04)

Bài 5: Trò chơi.

4. Củng cố:

GDTT:

Nhân xét:

5. Dặn dò :

- Chuẩn bị bài: “Số hạng -tổng”.
- HS: Vở – SGK – bảng con.

* **Rút kinh nghiệm:**.....

Ngày soạn: Thứ Ba 21/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Tư 22/08/2012.

TOÁN.
SỐ HẠNG – TỔNG.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết số hạng; tổng
- Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán có lời văn bằng một phép cộng.

2. Kỹ năng:

- Thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100, giải toán.
- Thực hành được các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GD HS có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng phụ ghi BT1, bảng gài.
- Hình thức tổ chức: Thực hành, TLN. Cá nhân.
- Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ôn định: Hát.

2. Kiểm bài cũ: “Ôn tập các số đến 100 (tt)”.

- Nhân xét:

3. Bài mới:

- ❖ Giới thiệu: Trong phép cộng, các thành phần có tên gọi hay không, tên của chúng ntn? Hôm nay chúng ta hãy cùng tìm hiểu qua bài: “Số hạng – tổng”

- ❖ Nội dung:

Hoạt động 1: Giới thiệu số hạng và tổng (Trực quan)

- GV ghi bảng phép cộng:
- $35 + 24 = 59$
- GV gọi HS đọc (Ba mươi lăm cộng hai mươi bốn bằng năm mươi chín.)
- GV chỉ vào từng số trong phép cộng và nêu:
- 35 gọi là: “Số hạng” (GV ghi bảng).
- 24 gọi là: “Số hạng.”
- 59 gọi là: “Tổng.”
- GV yêu cầu HS đặt tính cộng theo cột dọc.
35 --> Số hạng.
+ 24 --> Số hạng.
59 --> Tổng.
- HS thực hành gọi tên các thành phần.

Hoạt động 2: HD luyện tập:

Bài 1: HS thảo luận nhóm.

Bài 2: HS làm bảng con

Bài 3: HS làm vở.

4. Củng cố:

– GDTT:

– Nhân xét :

5. Dặn dò:

– Chuẩn bị bài: “Luyện tập”.

– HS: Vở – SGK – bảng con.

* **Rút kinh nghiệm**:

.....

.....

Ngày soạn: Thứ Tư 22/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Năm 23/08/2012.

TOÁN.
LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết biết cộng nhằm các số tròn chục có hai chữ số
- Biết tên gọi thành phần và kết quả của phép cộng
- Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100

2. Kỹ năng:

- Cộng nhằm số tròn chục, nêu tên gọi thành phần
- Rèn thực hiện phép cộng không nhớ và biết giải toán
- Thực hành được các bài tập rõ ràng, sạch đẹp

3. Thái độ:

- GDTT: HS có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng phụ.
- Hình thức tổ chức: TLN. Cá nhân.
- Phương pháp: Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định: Hát.

2. Kiểm bài cũ: “Số hạng- Tổng.”

- Nhân xét:

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu bài: Luyện tập.

❖ Nội dung:

Hoạt động 1: HD luyện tập (Thực hành).

Bài 1: Bảng con.

Bài 3: TLN làm cột 3. (cột 1,2 giảm.).

Bài 4: Vở.

- HD HS tóm tắt.
- HS giải toán .

Giải:

Số HS có tất cả là:

$$25 + 32 = 57 \text{ (học sinh).}$$

Đáp số: 57 học sinh.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhân xét:

5. Dẫn dò:

- Chuẩn bị bài: “Đềximét”.
- HS: Vở – SGK – bảng con, thước số.

*** Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Năm 23/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Sáu 24/08/2012.

**TOÁN.
ĐỀXIMÉT.**

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết đềximét là một đơn vị đo độ dài; tên gọi; kí hiệu của nó; biết quan hệ giữa dm và cm, ghi nhớ $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$
- Nhận biết được độ lớn của đơn vị đo dm; so sánh độ dài đoạn thẳng trong trường hợp đơn giản; thực hiện phép cộng, trừ các số đo độ dài có đơn vị đo là đềximét.
- Nhận biết ước lượng độ dài đoạn thẳng (HS khá, giỏi).

2. Kỹ năng:

- Thuộc $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$; $10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$; viết tắt được dm.
- Nhận biết mối quan hệ, đơn vị đo dm và cm; thực hiện phép cộng, trừ đơn vị đo dm
- Ước lượng bằng mắt độ dài dm (HS khá, giỏi).

3. Thái độ:

- GDHS yêu thích học Toán, có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng phụ, phấn màu, sgk, thước có chia cm.
- Hình thức tổ chức: Thực hành, TLN. Cá nhân.
- Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. KTBC: “Luyện tập”.

- Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là:

a/ 45 và 11.

b/ 60 và 25.

– Nhân xét:

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu bài : “Đề-xi-mét “

❖ Nội dung:

Hoạt động 1: Giới thiệu đơn vị đo độ dài (Trực quan)

- GV giới thiệu 10 cm còn gọi là 1dm. Đề-xi-mét viết tắt là dm (HS theo dõi)
- $10\text{cm} = 1\text{dm}$
- $1\text{dm} = 10\text{cm}$ (HS nêu lại)
- HS thực hành xem số đo trên thước.

Hoạt động 2: HD luyện tập. (P² thực hành).

Bài 1: HS thảo luận nhóm.

Bài 2: HS làm bảng con.

Bài 3: HD HS ước lượng đo độ dài (HS khá, giỏi). (Giảm)

Hoạt động 3: Trò chơi.

- Cho HS thi vẽ đoạn thẳng 1 dm .

4. Củng cố:

– Nhân xét:

– Giáo dục:

5. Dặn dò:

– Chuẩn bị bài: “Luyện tập”.

– HS: vở – sgk – bảng con.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

TUẦN 2:

Ngày soạn: Chủ Nhật 26/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Hai 27/08/2012.

TOÁN. LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu :

1. Kiến thức:

- Biết quan hệ giữa dm và cm. để viết số đo có đvị là cm thành dm và số đo có đvị là dm thành cm.
- Nhận biết được độ dài dm trên thước thẳng. Ước lượng và thực hành sử dụng đvị đo dm trong thực tế.
- Vẽ được độ dài đoạn thẳng có độ dài 1dm.

2. Kỹ năng:

- Gọi được tên các số đo độ dài dm, cm. Biết đổi đvị dm thành cm, và cm thành dm.
- Ước lượng độ dài theo đvị cm, dm.
- Vẽ được đoạn thẳng và ghi số lượng độ dài đó lên đoạn thẳng.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS có tính cẩn thận.
-

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Thước kẻ có vạch chia, tranh, phấn màu, SGK.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Các hoạt động dạy học:

1. Ổn định: Hát.

2. Kiểm tra: Đêximet.

1dm=.....cm ; 10cm=.....dm ; 20cm=.....dm.

3. Bài mới:

❖ **Gới thiệu bài:** gián tiếp.

❖ **Nội dung:**

* **Hoạt động 1: Hd HS luyện tập.**

Bài 1: Số: Tr.8 (Thảo luận nhóm.)

Bài 2: Tr.8 (Hs làm miệng.)

Bài 3: Số? Tr.8 Hs làm vở (cột 1, 2).

4. Củng cố:

- Cô vừa dạy cho con bài gì?

- **GDHS:**

- **Nhân xét:**

5. Dặn dò:

- **Chuẩn bị bài:** Số bị trừ- Số trừ- Hiệu.

- **HS:** SGK, vở, bảng.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Hai 27/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Ba 28/08/2012.

TOÁN.

SỐ BỊ TRỪ-SỐ TRỪ-HIỆU.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết số bị trừ, số trừ, hiệu.
- Biết thực hiện phép trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán bằng một phép trừ.
- Gọi tên đúng các thành phần và kết quả trong phép trừ.

2. Kỹ năng:

- Gọi tên đúng số bị trừ, số trừ, hiệu.
- Biết thực hiện phép trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. Giải bài toán văn. Lập phép tính và gọi đúng tên các thành phần.

3. Thái độ:

– Giáo dục: Hs có tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- **Gv:** BDDHT lớp 2, sgk, phấn màu.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định: Hát

2. Kiểm tra bài cũ: Luyện tập.

Bài 1: Số ?

- 1dm =cm 40cm = dm
- 30cm = dm 50cm = dm
- **Nhận xét**

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu bài:** Số bị trừ- Số trừ- Hiệu.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu số bị trừ- Số trừ- Hiệu.

- GV yêu cầu hs nêu phép tính trừ. Gv ghi bảng “ $59-35=24$ ” .
- 59 gọi là: Số bị trừ
- 35 gọi là: Số trừ
- 24 gọi là: Hiệu
- GV viết $79 - 46 = 33$
- HS thực hiện cột dọc và gọi tên thành phần.
- Nhận xét

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS thực hành

BT1: Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu): Tr.9

- HS đọc yêu cầu (HS làm miệng).
- BT2:** Đặt tính rồi tính hiệu (theo mẫu) biết: Tr.9
- HS đọc yêu cầu. (HS làm bảng con, câu c, d giảm).
- BT3:** Tr.9 HS đọc yêu cầu. (HS làm vào vở).

4. Củng cố:

- **Gdhs:**
- **Nhận xét:**

5. Dặn dò:

- **Chuẩn bị bài:** Luyện tập.
- **HS:** Sgk, vở, bảng.
- * **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Ba 28/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Tư 29/08/2012.

LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Giúp HS biết trừ nhẩm số tròn chục có hai chữ số.
- Biết thực hiện phép trừ các số có hai chữ số không nhớ trong pv 100.
- Biết giải bài toán có lời văn bằng một phép trừ.
- Biết giải bài tập dạng trắc nghiệm có nhiều lựa chọn. (HS khá, giỏi).

2. Kỹ năng:

- Học sinh biết trừ nhẩm, nhanh số tròn chục có hai chữ số.
- Biết đặt tính, tính trừ số có hai chữ số không nhớ trong pv 100.
- Giải bài toán trắc nghiệm có 4 lựa chọn.

3. Thái độ:

- GDHS tính cẩn thận.

II . Chuẩn bị:

- **GV:** sgk, bảng phụ, phấn màu.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III .Lên lớp:

1.Ổn định:

2.Kiểm tra bài cũ: Số bị trừ- Số trừ- Hiệu.

- GV gọi HS nhắc lại tên gọi các thành phần của phép tính trừ.
- Nhận xét:

3.Bài mới:

❖ **Gới thiệu bài:** Luyện tập.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: HD luyện tập.

BT1: Tính: Tr.10

- HS thảo luận. Đại diện nhóm trình bày.
- Nhận xét.

BT2: Tính nhẩm: Tr.10 HS nêu kết quả miệng.

BT3: Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là: Tr.10 HS làm bảng con.

BT4: Tr.10 HS làm vở.

BT5: (Giảm tải).

- Nhận xét:

4.Củng cố:

- GDTT:
- Nhận xét:

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập chung.
- HS: sgk, bảng, vở.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: Thứ Tư 29/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Năm 30/08/2012.

TOÁN.
LUYỆN TẬP CHUNG.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- HS biết đếm, đọc, viết các số có hai chữ số, số tròn chục, số liền trước, số liền sau của một số cho trước trong phạm vi 100.
- Biết làm phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số (không nhớ) trong phạm vi 100.
- Biết giải toán có lời văn bằng một phép cộng.

2. Kỹ năng:

- HS đọc, viết được các số trong phạm vi 100, viết được số liền sau, liền trước của một số cho trước.
- Biết đặt tính, tính cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- HS thực hiện đặt tính, tính cột 3 (BT3) HS khá, giỏi.

3. Thái độ:

- GDHS tính cẩn thận, đặt số thẳng cột.

II. Chuẩn bị:

- GV: sgk, bảng phụ viết BT2, phấn màu.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Luyện tập.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu bài:** Luyện tập chung.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: HD luyện tập.

BT1: Viết các số: Tr.10 HS làm phiếu học tập.

BT2: Viết: Tr.10 HS thảo luận cặp.

BT 3: Đặt tính rồi tính: Tr.10 HS làm bảng con

- Cột 3 HS khá, giỏi thực hiện.

BT4: Tr.10 HS làm vào vở.

- Hướng dẫn HS tóm tắt và giải toán.

Giải:

Số học sinh đang tập hát của cả hai lớp là:

$$18 + 31 = 49 \text{ (học sinh).}$$

Đáp số: 49 học sinh.

- Nhận xét:
-

4. **Củng cố:**

- **GDTT:**
- **Nhân xét:**

5. **Dẫn dò:**

- **Chuẩn bị bài:** Luyện tập chung.
- **HS:** sgk, vở, bảng.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Năm 30/08/2012.

Ngày dạy: Thứ Sáu 31/08/2012.

TOÁN.

LUYỆN TẬP CHUNG. (2)

I. Yêu cầu:

1. **Kiến thức:**

- Biết viết số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị.
- Biết số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.
- Biết làm tính cộng, trừ các số có hai chữ số không nhớ trong pv 100.
- Giải toán có lời văn.
- Nhận biết dm & cm.

2. **Kỹ năng:**

- Phân tích số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị.
- Gọi đúng tên các thành phần.
- Biết đặt tính, tính số có hai chữ số không nhớ trong pv 100.
- Giải bài toán bằng 1 phép tính trừ.
- HS làm BT5 (HS khá, giỏi).

3. **Thái độ:**

- GDHS tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Sgk, bảng phụ viết BT2, phấn màu.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, Thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. **Ổn định:** Hát

2. **Kiểm tra bài cũ:** Luyện tập chung.

- Viết số liền trước của 4.
- Viết số liền sau của 98.
- **Nhân xét:**

3. **Bài mới:**

- ❖ **Giới thiệu bài:** Luyện tập chung.
 - ❖ **Nội dung:**
-

Hoạt động 1: HD luyện tập.

BT1: Tr.11 (Giảm tải.)

BT2: Viết số thích hợp vào ô trống: Tr.11 HS thảo luận cặp.

BT3: Tính: Tr.11 HS làm bảng con.

BT4: HS làm vở.

Giải:

Số quả cam chị hái là:

$$85 - 44 = 41 \text{ (quả cam)}$$

Đáp số: 41 quả cam.

BT5: HS khá, giỏi làm bài. (Giảm tải.)

4. Củng cố:

– GDTT:

– Nhân xét:

5. Dặn dò:

– Chuẩn bị bài: Kiểm tra.

– HS: Vở, sgk, viết, thước số.

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

TUẦN 3:

Ngày soạn: Chủ Nhật 02/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Hai 03/09/2012.

**TOÁN.
KIỂM TRA.**

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau:
- Đọc viết các số có hai chữ số : viết số liền trước , số liền sau
- Kỹ năng thực hiện phép cộng và phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100
- Giải bài toán bằng một phép tính (cộng hoặc trừ, chủ yếu là dạng thêm hoặc bớt một số đơn vị từ số đã biết) .
- Đo và viết số đo độ dài đoạn thẳng.

2. Kỹ năng:

- Làm được các bài tập KT
- Thực hành đúng, rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- Tính cẩn thận.

II. Chuẩn bị:

- GV: Đề kiểm tra.
 - Hình thức tổ chức: Cá nhân.
-

– **Phương pháp:** Thực hành, Trực quan.

III. **Lên lớp:**

1. **Ổn định:** Hát

2. **Kiểm tra bài cũ:** Luyện tập chung.

3. **Bài mới:**

❖ **Giới thiệu bài:**

❖ **Nội dung:**

II. Dự kiến đề kiểm tra trong 40 phút (kể từ khi bắt đầu làm bài.)

1. Viết các số:

a/ từ 70 đến 80:

b/ từ 89 đến 95 :

2.a/ số liền trước của 61 là:

b/ số liền sau của 99 là:

3. Em hãy vẽ đoạn thẳng có độ dài là 7cm:

4. Bài toán:

Mai và Hoa làm được 36 bông hoa, riêng Hoa làm được 16 bông hoa. Hỏi Mai làm được bao nhiêu bông hoa?

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Hai 03/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Ba 04/09/2012.

TOÁN.

PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10.

I. **Yêu cầu:**

1. **Kiến thức:**

- Biết cộng hai số có tổng bằng 10
- Biết dựa vào bảng cộng để tìm một số chưa biết trong phép cộng có tổng bằng 10
- Biết viết 10 thành tổng của hai số trong đó có một số cho trước
- Biết cộng nhẩm: 10 cộng với số có một chữ số
- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào 12

2. **Kĩ năng:**

- Củng cố về phép cộng có tổng bằng 10 và đặt tính cộng theo cột đơn vị, chục. Biết xem giờ trên mặt đồng hồ.
- Thực hành các bài tập đúng, sạch đẹp.

3. **Thái độ:**

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. **Chuẩn bị:**

- **GV:** 10 que tính, bảng cài.
 - **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
 - **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thực hành, thuyết trình.
-

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Trả bài kiểm tra nhận xét sửa bài.
- Nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu bài:** Phép cộng có tổng bằng 10.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $6 + 4 = 10$.

- GV giơ 6 que tính hỏi có mấy que tính? (6 que tính , HS lấy 6 que tính)
- Viết vào cột nào? (9 viết vào cột đơn vị)
- Lấy thêm mấy que tính . (4 que tính, HS lấy que.)
- Viết số 4 vào cột nào? (cột đơn vị.)
- Có tất cả bao nhiêu que tính: (10 que tính)
- $6 + 4 =$ bao nhiêu ? ($6 + 4 = 10$)
- Hướng dẫn HS đặt tính:

$$\begin{array}{r} 6 \\ + \\ 4 \\ \hline 10 \end{array}$$

$6 + 4 = 10$ phép tính hàng ngang.

Hoạt động 2: HD luyện tập:

BT 1: HS nêu miệng.

BT 2: HS làm vào vở.

BT 3: TLC.

BT 4: HD học sinh xem đồng hồ (trò chơi).

4. Củng cố

- **GDTT:**
- Nhận xét.

5. Dặn dò

- Chuẩn bị bài: $26 + 4$; $36 + 24$.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính ,phấn.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Ba 04/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Tư 05/09/2012.

TOÁN.

$26 + 4$; $36 + 24$.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

-
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 dạng $26 + 4$ và $36 + 24$
 - Biết giải bài toán bằng một phép cộng
 - Làm được BT3. (HS khá, giỏi.)

2. **Kĩ năng:**

- Biết thực hiện phép cộng có tổng là số tròn chục dạng $26 + 4$ và $36 + 24$ (có nhớ, tính viết) và giải toán có lời văn.
- Thực hành các bài tập đúng, rõ ràng.

3. **Thái độ:**

- GD HS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. **Chuẩn bị:**

- **GV:** Que tính + bảng cài, bảng phụ.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. **Lên lớp:**

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Phép cộng có tổng bằng 10.

- GV cho HS lên bảng làm bài 2. SGK/ 12.
- **Nhận xét:**

3. **Bài mới:**

❖ **Gới thiệu:** $26 + 4$, $36 + 24$.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Gới thiệu phép cộng $26 + 4$.

- GV nêu bài toán:
- Có 26 que tính, thêm 4 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu tính? GV cho HS thao tác trên vật thật.
- Vậy: $26 + 4 = 30$.
- GV thao tác với que tính trên bảng.
- Có 26 que tính. Cô gài 2 bó và 6 que tính lên bảng. Viết 2 vào cột chục, 8 vào cột đơn vị.
- Thêm 4 que tính nữa. Viết 4 vào cột đơn vị dưới 6.
- Gộp 6 que tính và 4 que tính được 10 que tính tức là 1 bó, 2 bó thêm 1 bó được 3 bó hay 30 que tính. Viết 0 vào cột đơn vị, viết 3 vào cột chục.
- Vậy: $26 + 4 = 30$.
- **Đặt tính:**
- **Tính:**

6 cộng 4 = 10 viết 0 nhớ 1.

2 thêm 1 = 3, viết 3.

Hoạt động 2: Gới thiệu phép cộng $36 + 24$.

- GV nêu bài toán: Có 36 que tính. Thêm 24 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu que tính?
 - GV thao tác trên que tính.
 - Có 36 que tính (3 bó và 6 que rời) viết 3 vào cột chục và 6 vào cột đơn vị
 - Thêm 24 que tính nữa. Viết 2 vào cột chục, 4 vào cột đơn vị.
-

-
- Gộp 6 que tính với 4 que tính được 10, tức là 1 bó. 3 bó cộng 2 bó bằng 5 bó, thêm 1 bó bằng 6 bó. Viết 0 vào cột đơn vị, viết 6 vào cột chục.
 - Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 6 + 4 = 10, \text{ viết } 0 \text{ nhớ } 1. \\ 3 + 2 = 5, \text{ thêm } 1 \text{ bằng } 6, \text{ viết } 6. \\ - \quad 36 \\ + \quad 24 \\ \hline 60 \end{array}$$

Hoạt động 3: HD luyện tập.

Bài 1: HS làm bài vào bảng con.

- Viết kết quả sao cho chữ số trong cùng 1 cột.
- Phải nhớ 1 vào các tổng các chục nếu tổng các đơn vị qua 10.

Bài 2: HS làm vào vở.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn: Thứ Tư 05/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Năm 06/09/2012.

TOÁN.
LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết cộng nhẩm dạng $9 + 1 + 5$.
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $26 + 4$; $36 + 24$.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng.
- Làm được BT5. (HS khá, giỏi.)

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng làm toán cộng (nhẩm và viết) trong trường hợp tổng là số tròn chục, tổng độ dài 2 đoạn thẳng và giải toán có lời văn
- Thực hành được các bài tập chính xác, rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: SGK - Bảng phụ
 - **Hình thức tổ chức**: TLN, Cá nhân.
-

-
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi HS làm lại BT1 SGK/ 13.
- Nhân xét.

3. Bài mới:

- ❖ **Gới thiệu bài:** Luyện tập.
- ❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: HD làm bài tập. SGK/ 14.

BT 1: HS nêu miệng kết quả.

BT2: HS làm bảng con.

BT3: TLN.

BT4: HS làm bài vào vở.

4. Củng cố:

- **GDTT:**
- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: 9 cộng với một số: $9 + 5$.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

* Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Năm 06/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Sáu 07/09/2012.

TOÁN:

9 CỘNG VỚI MỘT SỐ: $9 + 5$.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép cộng dạng $9 + 5$, lập được bảng 9 cộng với một số.
- Nhận biết trực giác về tính giao hoán của phép cộng.
- Biết giải bài toán bằng một phép tính cộng.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS thực hiện phép cộng $9 + 5$, học thuộc các công thức 9 cộng với một số qua 10, giải toán có lời văn.
- Thực hành được các bài tập chính xác, rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GDHS tính cẩn thận, chính xác khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: SGK – que tính, bảng phụ
 - **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
-

-
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ôn định:

- 2. **Kiểm tra bài cũ:** Luyện tập.

3. Bài mới:

- ❖ **Giới thiệu bài:** 9 cộng với một số: $9 + 5$.

- ❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $9 + 5$.

- **GV nêu:** “Có 9 que tính thêm 5 que tính . Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính”.

Hoạt động 2: Lập bảng cộng.

HS thảo luận nhóm.

Hoạt động 3: HD luyện tập.

BT1: HS làm việc nhóm đôi với SGK.

- 1 số nhóm trình bày.

BT2: HS làm bảng con.

BT4: HS làm bài vào vở.

4. Củng cố:

- **GDTT - Nhận xét.**

5. Dặn dò

- Về học bảng cộng.

- **Chuẩn bị bài:** $29 + 5$.

- **HS:** Sgk, vở, bảng, thước, que tính.

* **Rút kinh nghiệm:**.....
.....
.....

TUẦN 4:

Ngày soạn: Chủ Nhật 09/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Hai 10/09/2012.

TOÁN.
29 + 5.**I. Yêu cầu:****1. Kiến thức:**

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $29 + 5$ (cộng có nhớ dưới dạng tính viết).
- Biết số hạng, tổng.
- Biết nối các điểm cho sẵn để có hình vuông.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

2. Kĩ năng:

- Nhận biết tên gọi thành phần, thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100 dạng $29 + 5$ và vận dụng để giải toán.
- Thực hành đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- Yêu thích môn học.

II. Chuẩn bị:

- GV: 2 bó que tính và 14 que rời.
- HS: Bảng con, vở
- **Hình thức tổ chức**: TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp**: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.

III. Lên lớp:**1. Ổn định:****2. Kiểm tra bài cũ:** 9 cộng với 1 số.

- HS đọc bảng công thức 9 cộng với 1 số.

3. Bài mới:❖ **Giới thiệu:** Học phép cộng $29 + 5$.❖ **Nội dung:****Hoạt động 1:** Giới thiệu phép cộng $29 + 5$.

- GV nêu bài toán: (vừa nêu vừa đính bảng). Có 29 que tính thêm 5 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu que tính?
- Cô đính 5 que tính rời dưới 9 que tính rời của 29.
- 9 que tính với 5 que tính được 1 chục (1 bó) và 4 que tính 2 chục (2 bó) thêm 1 chục (1 bó) là 3 chục (3 bó) và thêm 4 que tính nữa. Có tất cả 34 que tính.
- Khi tính ta phải nhớ 1 (chục) sang hàng chục như cách tính dọc.

$$\begin{array}{r} + 29 \\ \quad 5 \\ \hline 34 \end{array} \quad \begin{array}{l} 9 + 5 = 14, \text{ viết, nhớ } 1 \\ 2 \text{ thêm } 1 \text{ là } 3 \text{ viết } 3 \end{array}$$

Hoạt động 2: HD luyện tập.**Bài 1:** Tính:

- Lưu ý cách đặt tính cho đúng, viết các chữ số thẳng cột.

Bài 2: Đặt phép cộng rồi tính tổng, biết số hạng

- Nêu đề bài
- Chốt: Nêu được tên gọi: Số hạng, tổng.

Bài 3:

- HD học sinh tóm tắt và trình bày bài giải

4. Củng cố:

- GV cho HS thi đua làm toán.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: 49 + 25.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn màu.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Hai 10/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Ba 11/09/2012.

TOÁN.
49 + 25.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 49 + 25 (cộng có nhớ dưới dạng tính viết).
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

2. Kĩ năng:

- Thực hành được các bài tập GV hướng dẫn.
- Làm đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng cài, que tính, bảng phụ
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.
- **Phương pháp:** Trực quan, thực hành, hỏi đáp, thuyết trình.

III. Lên lớp:

1. Ổn định: Hát.

2. Kiểm bài cũ: 29 + 5.

- GV nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** 49 + 25.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng 49 + 25.

- GV nêu đề bài, vừa nêu vừa đính que tính.
- Có 49 que tính (4 bó, 9 que rời) thêm 25 que tính nữa (2 bó, 5 que rời).

- GV đính thẳng 9 và 5 với nhau. Hỏi có bao nhiêu que tính? (9 que rời + 5 que rời = 14 que (1 chục và 4 que rời))
- 4 chục (4 bó) + 2 chục (2 bó) = 6 chục (6 bó), thêm 1 chục (1 bó) = 7 chục (7 bó) và 4 que tính rời. Vậy ta được 74 que tính. GV HD HS đặt tính dọc và tính kết quả.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: HS làm bảng con. (Giảm cột 4, 5).

Bài 2: (Giảm tải).

Bài 3: HS làm vào vở.

Bài giải:

Số học sinh cả hai lớp có là:

$$29 + 25 = 54 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 54 học sinh.

4. Củng cố:

- GV cho HS thi đua làm toán.
- GDTT:
- GV nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn màu.

*** Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Ba 11/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Tư 12/09/2012.

TOÁN.**LUYỆN TẬP.****I. Yêu cầu:****1. Kiến thức:**

- Biết thực hiện phép cộng dạng $9 + 5$, thuộc bảng 9 cộng với một số.
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $29 + 5$; $49 + 25$.
- Biết thực hiện phép tính 9 cộng với một số để so sánh hai số trong phạm vi 20
- Biết giải bài toán có lời văn bằng 1 phép tính cộng.

2. Kiến thức:

- Thực hiện được các bài tập dạng $9 + 5$, $29 + 5$, $49 + 25$. vận dụng vào giải toán có lời văn
- Làm đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Đồ dùng phục vụ trò chơi.
- Hình thức tổ chức: TLN. Cá nhân.
- Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm bài cũ: $49 + 25$.

- Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập sau:
- Tìm tổng biết các số hạng của phép cộng lần lượt là:

a. 9 và 7 b. 39 và 6 c. 29 và 45

- Nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** Luyện tập.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: HD làm các bài tập. SGK/18.

Bài 1: HS nêu miệng nối tiếp. (Giảm cột 4.)

Bài 2: HS làm vào bảng con.

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.

Bài 3: Đố vui.

- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? (Điền dấu $>$, $<$, $=$)
- Viết lên bảng: $9 + 5 \dots 9 + 6$
- Hỏi: Ta phải điền dấu gì? Vì sao? (Điền dấu $<$ Vì $9 + 5 = 14$; $9 + 6 = 15$; mà $14 < 15$ nên $9 + 5 < 9 + 6$)
- Trước khi điền dấu ta phải làm gì? (Phải thực hiện phép tính.)

Bài 4: HS làm vào vở.

Bài 5: Giảm.

4. Củng cố:

- Cho HS thi đua làm toán :
- Đặt tính và thực hiện phép tính $39 + 15$.

- GDTT:

- Nhận xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: 8 cộng với một số: $8 + 5$.

- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: Thứ Tư 12/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Năm 13/08/2012.

TOÁN.

8 CỘNG VỚI MỘT SỐ: $8 + 5$.

I. Yêu cầu:

1. **Kiến thức:**

- Biết cách thực hiện phép cộng dạng $8 + 5$ thuộc công thức 8 cộng với 1 số (cộng qua 10).
- Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng.

– Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

2. **Kĩ năng:**

– Thực hiện được phép cộng dạng 8 cộng với một số. Nhận biết về tính chất giao hoán của phép cộng. Vận dụng vào giải toán.

– Làm đúng các bài tập rõ ràng.

3. **Thái độ:**

– GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

– **GV:** Bộ thực hành Toán (20 que tính), bảng phụ.

– **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.

– **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.

III. Lên lớp:

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Luyện tập.

– GV nhận xét.

3. **Bài mới:**

❖ **Giới thiệu:** Hôm nay, chúng ta học toán 8 cộng với 1 số: $8 + 5$.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $8 + 5$.

– GV nêu đề toán có 8 que tính thêm 5 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu bao que tính? (HS thao tác trên 8 que tính để tìm kết quả là 13 que tính.)

– GV nhận xét cách làm bài của HS và hướng dẫn.

– Gộp 8 que tính với 2 que tính bó thành 1 chục, 1 chục que tính với 3 que tính còn lại là 13 que tính.

– GV yêu cầu HS lên đặt tính và nêu kết quả.

– Hướng dẫn HS tự lập bảng 8 cộng với 1 số.

– GV cho HS lập bảng cộng bằng cách cộng 8 với bắt đầu từ 3 đến 9.

– HS lập các công thức:

– $8 + 3 = 11$ $8 + 7 = 15$

– $8 + 4 = 12$ $8 + 8 = 16$

– $8 + 5 = 13$ $8 + 9 = 17$

– $8 + 6 = 14$

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS học thuộc bảng cộng.

Hoạt động 3: HD luyện tập: SGK/19.

Bài 1: HS nêu miệng phép tính.

Bài 2: HS TLN.

Bài 3: Giỏm.

Bài 4: HS làm vào vở.

Bài giải:

Số tem cả hai bạn có là:

$$8 + 7 = 15 \text{ (con tem)}$$

Đáp số: 15 con tem.

4. **Củng cố:**

- GV cho HS đọc bảng công thức 8 cộng với 1 số.
- GDTT:
- Nhận xét.

5. Dẫn dò:

- Chuẩn bị bài: $28 + 5$.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

* **Rút kinh nghiệm**:

.....

.....

.....

Ngày soạn: Thứ Năm 13/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Sáu 14/09/2012.

TOÁN.
28 + 5.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $28 + 5$ (cộng có nhớ dưới dạng tính viết.)
- Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

2. Kĩ năng:

- Thực hiện phép cộng có nhớ dạng $28 + 5$. Vận dụng vào giải toán có lời văn.
- Làm đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GD HS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bộ thực hành Toán (2 bó que tính, 13 que tính rời), bảng phụ.
- Hình thức tổ chức: TLN. Cá nhân.
- Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: 8 cộng với 1 số $8 + 5$.

- HS đọc bảng cộng 8.
- GV nhận xét.

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu: Học dạng toán $28 + 5$.

❖ Nội dung:

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $28 + 5$.

- GV nêu đề toán: Có 28 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính? (HS thao tác trên que tính 28 que tính thêm 5 que tính nữa, được 33 que tính.)
- GV hướng dẫn.

+ Gộp 8 que tính với 5 que tính được 1 chục que tính (1 bó) và 3 que tính rời, 2 chục que tính thêm 1 chục que tính là 3 chục, thêm 3 que tính rời, có tất cả 33, que tính.

+ Vậy: $28 + 5 = 33$

- GV cho HS lên bảng đặt tính.

GV cho HS lên tính kết quả. $8 + 5 = 13$, viết 3 nhớ 1, 2 thêm 1 được 3 viết 3.

Hoạt động 2: HD luyện tập. SGK/20.

Bài 1: Giảm (cột 4, 5). HS làm bảng con.

Bài 2: Giảm.

Bài 3: HS làm vào vở.

- Tóm tắt:

- Gà : 18 con.

- Vịt : 5 con.

- Tất cả: ...? ..con.

Bài giải:

Số con gà và vịt có tất cả là:

$$18 + 5 = 23 \text{ (con)}$$

Đáp số: 23 con.

Bài 4: Trò chơi.

- GV cho HS vẽ.

4. Củng cố:

- GV cho HS chơi trò chơi đúng, sai.

- $79 + 2 = 81$ Đ.

- $78 + 7 = 84$ S.

- GDTT:

- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: $38 + 25$.

- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....
.....

TUẦN 5:

Ngày soạn: Chủ Nhật 16/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Hai 17/09/2012.

TOÁN.

38 + 25.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

GV: NGÔ THỊ HUỆ

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $38 + 25$.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng các số với số đo có đơn vị dm.
- Biết thực hiện phép tính 9 hoặc 8 cộng với một số để so sánh hai số.

2. Kỹ năng:

- Thực hành được các bài tập GV hướng dẫn.
- Làm đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Bộ thực hành Toán (6 thẻ chục và 13 que tính rời.), bảng cài.
- **HS:** Bộ thực hành Toán (6 thẻ chục và 13 que tính rời.), SGK, thước kẻ, bảng con, vở.
- **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:**1. Ổn định:****2. Kiểm bài cũ:** $28 + 5$.

- HS đọc bảng cộng công thức 8 cộng với 1 số.
- GV nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** Học dạng toán $38 + 25$.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép $38 + 25$.

- **GV nêu đề toán:** có 28 que tính thêm 25 que tính nữa. Hỏi có bao nhiêu que tính? (HS thao tác trên que tính và nêu kết quả 63.)
- GV nhận xét hướng dẫn :
- Gộp 8 que tính với 2 que tính rời thành 1 bó que tính, 3 bó với 2 bó lại là 5 bó, 5 bó thêm 1 bó là 6 bó, 6 bó với 3 que tính rời là 63 que tính.
- Vậy $38 + 25 = 63$
- GV yêu cầu HS đặt tính và tính.

$$\begin{array}{r} 38 \\ +25 \\ \hline 63 \end{array}$$

8 cộng 5 bằng 13 viết 3 , nhớ 1.
3 cộng 2 bằng 5 , thêm 1 bằng 6, viết 6.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: Giảm (cột 4, 5). HS làm bảng con.

Bài 2: Giảm.

Bài 3: HS làm vào vở.

Bài giải:

Độ dài đoạn đường con kiến phải đi là:

$$28 + 34 = 62 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 62 dm.

4. Củng cố:

- GV cho HS chơi trò chơi
- GV cho HS thi đua điền dấu $>$, $<$, $=$

$$\begin{array}{ll} 8 + 4 < 8 + 5 & 18 + 8 < 19 + 9 \\ 9 + 8 = 8 + 9 & 19 + 9 > 19 + 8 \\ 9 + 7 > 9 + 6 & 19 + 10 > 10 + 18 \end{array}$$

- **GDTT:**
- GV nhận xét, tuyên dương.

5. Dẫn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn.
- * **Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: Thứ Hai 17/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Ba 18/09/2012.

TOÁN.
LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:
 - Thuộc bảng 8 cộng với một số.
 - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $28 + 5$, $38 + 25$.
 - Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.
2. Kỹ năng:
 - Tính toán nhanh nhẹn, đặt tính đúng.
 - Biết đặt lời giải bài toán có một phép cộng dạng $28 + 5$.
 - Làm được BT5. (HS khá, giỏi.)
3. Thái độ:
 - GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: SGK, bảng phụ.
- HS: SGK, thước kẻ, bảng con, vở.
- Phương pháp: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.
- Hình thức tổ chức: TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:
2. Kiểm tra bài cũ: $38 + 25$.
3. Bài mới:
 - ❖ Giới thiệu: củng cố kiến thức qua tiết luyện tập.
 - ❖ Nội dung:

Hoạt động 1: HD luyện tập. SGK/22.

Bài 1: Gọi học sinh nêu miệng.

Bài 2: HS làm bài vào bảng con.

- GV mời HS nêu cách đặt tính, tính.

Bài 3: HS làm vào vở.

Tóm tắt:

Gói kẹo chanh: 28 cái.

Gói kẹo dứa : 26 cái.

Cả 2 gói : ? cái .

Bài giải:

Số cái cả hai gói có là:

$$28 + 26 = 54 \text{ (cái).}$$

Đáp số: 54 cái.

Bài 4: Giảm.

Bài 5: Giảm.

4. Củng cố:

– GDTT:

– Nhân xét.

5. Dặn dò:

– Chuẩn bị bài: Hình tứ giác, hình chữ nhật.

– HS: Bộ thực hành Toán, Sgk, vở, bảng, phấn.

* **Rút kinh nghiệm**:

.....

.....

.....

Ngày soạn: Thứ Ba 18/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Tư 19/09/2012.

TOÁN.

HÌNH CHỮ NHẬT – HÌNH TỨ GIÁC.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

– Nhận dạng được và gọi đúng tên hình chữ nhật, hình tứ giác. (Qua số cạnh hoặc hình dạng tổng thể, chưa đi vào đặc điểm các yếu tố của hình.)

– Biết nối các điểm để có hình chữ nhật, hình tứ giác.

2. Kỹ năng:

– Rèn cách nhận dạng và vẽ đúng các hình.

– Làm được BT3. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

– GDHS có tính cẩn thận, thẩm mỹ khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

– GV: 1 số miếng bìa tứ giác, hình chữ nhật, bảng phụ.

– HS: Bộ thực hành Toán, SGK, thước kẻ, bảng con, vở.

– **Phương pháp**: Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.

– **Hình thức tổ chức**: TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Luyện tập.

- GV cho HS làm trên bảng con và bảng lớp.
- Đặt tính rồi tính.
- $47 + 32$ $48 + 33$
- Đọc bảng 8 cộng với 1 số.
- GV nhận xét.

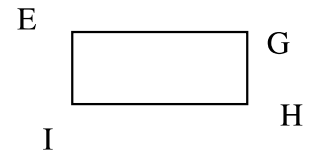
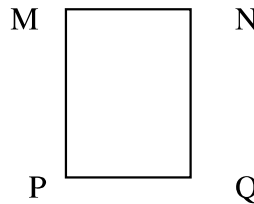
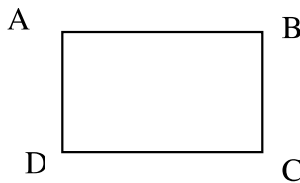
3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** Giới thiệu hình tứ giác, hình chữ nhật.

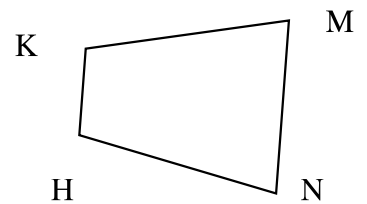
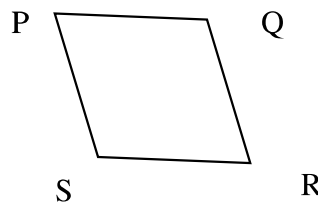
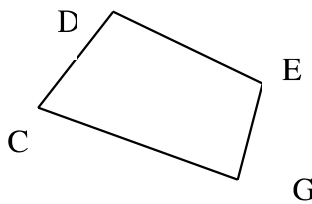
❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu hình chữ nhật. SGK/23.

- GV cho HS quan sát hình và cho biết có mấy cạnh, mấy đỉnh? Các cạnh ntn với nhau?
- Tìm các đồ vật có hình chữ nhật.
- GV cho HS quan sát hình và đọc tên.



- Có 4 cạnh, 4 đỉnh.
- Có 2 cạnh dài bằng nhau.
- Có 2 cạnh ngắn bằng nhau.
- Hình chữ nhật ABCD, MNQP, EGHI.
- + Hình tứ giác và hình chữ nhật có điểm nào giống nhau?(Đều có 4 đỉnh và 4 cạnh.)
- Giới thiệu hình tứ giác.
- GV cho HS quan sát và giới thiệu.
- Đây là hình tứ giác.
- + Hình tứ giác có mấy cạnh? (4 cạnh)
- + Có mấy đỉnh? (4 đỉnh.)
- GV vẽ hình lên bảng.



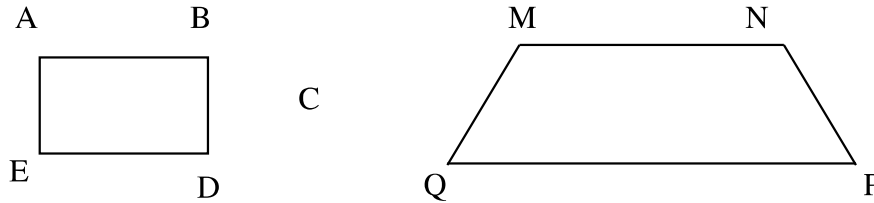
- GV đọc tên hình.
- Hình tứ giác CDEG, hình tứ giác PQRS, hình tứ giác KMNH.
- GV chỉ hình:
- Có 4 đỉnh C, D, E, G.
- Có 4 cạnh CD, DE, EG, GC.

– HS nêu đỉnh và cạnh của 2 hình còn lại.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: HS làm bài vào vở.

– Nối các điểm để được hình tứ giác, hình chữ nhật.



– GV quan sát giúp đỡ.

Bài 2: (TLN.)

HD học sinh nhận dạng hình.

a/ Có 1 tứ giác.

b/ Có 2 tứ giác.

c/ Giảm.

Bài 3: Giảm.

4. Củng cố:

– Hình chữ nhật có mấy cạnh? Có mấy đỉnh?

– Hình tứ giác có mấy cạnh? Có mấy đỉnh?

– GV cho HS thi học và ghi tên hình.

– **GDĐT:**

– **Nhân xét.**

5. Dẫn dò:

– **Chuẩn bị bài:** Bài toán về nhiều hơn.

– **HS:** Sgk, vở, bảng, bộ đồ dùng toán, phấn.

* **Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: Thứ Tư 19/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Năm 20/08/2012.

TOÁN.

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN.

I. Yêu cầu:

1. **Kiến thức:**

– Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.

2. **Kỹ năng:**

– Rèn kỹ năng giải toán có lời văn.

3. **Thái độ:**

– GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

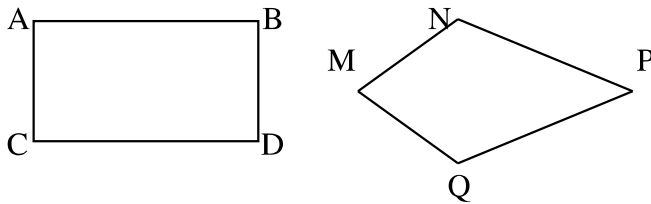
- **GV:** bảng cài, hình quả cam.
- **HS:** Bộ thực hành Toán, SGK, thước kẻ, bảng con, vở.
- **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Hình tứ giác, hình chữ nhật.

- GV cho HS lên bảng ghi tên hình và ghi tên cạnh.



- GV nhận xét.

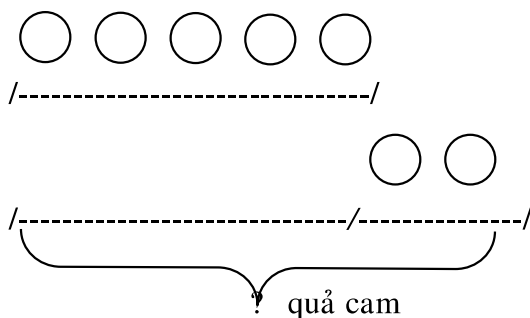
3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** Học dạng toán về “Bài toán về nhiều hơn.”

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu bài toán về nhiều hơn. SGK/24.

- GV ghi tóm tắt.
- GV đính trên bảng cài:
- Cành trên có 5 quả cam.
- Cành dưới có 5 quả cam và nhiều hơn 2 quả nữa. Ta nói số cam ở cành dưới “nhiều hơn” số cam ở cành trên là 2 quả.
- GV đặt bài toán cành trên có 5 quả cam. Cành dưới có nhiều hơn cành trên 2 quả. Hỏi cành dưới có mấy quả cam?
- Hs nhắc lại đề toán.



- + Để biết số cam ở cành dưới có bao nhiêu ta làm sao? (Lấy số cam ở cành trên cộng với 2 quả nhiều hơn ở cành dưới.)

Bài giải:

Cành trên có số quả cam là:

$$5 + 2 = 7 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 7 quả.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: TLN.

- HS nhìn tóm tắt và đọc thành đề bài toán.
- Hòa có mấy bông hoa? (Hòa: 4 bông hoa)
- Bình có mấy bông hoa? (Bình nhiều hơn Hòa 2 bông hoa)
- Đề bài hỏi gì? (Bình.....: bông hoa?)
- Để tìm số hoa Bình có ta làm sao? (Số hoa Hòa cộng với số hoa Bình nhiều hơn.)

Bài giải:

Số bông hoa Bình có là:

$$4 + 2 = 6 \text{ (bông hoa.)}$$

Đáp số: 6 bông hoa.

Bài 2: Giảm.

Bài 3: HS làm bài vào vở.

- GV cho HS tóm tắt và trình bày bài giải.
- Để biết Đào cao bao nhiêu cm ta làm ntn? (Lấy chiều cao của Mận cộng với phần Đào cao hơn Mận.)
- * **Lưu ý:** Từ “cao hơn” ở bài toán được hiểu như là “nhiều hơn”.

Bài giải:

Chiều cao của Đào là:

$$95 + 5 = 98 \text{ (cm).}$$

Đáp số: 98 cm.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng.
- * **Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn: Thứ Năm 20/09/2012.

Ngày dạy: Thứ Sáu 21/09/2012.

TOÁN.

LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn trong các tình huống khác nhau.

2. Kỹ năng:

- Rèn làm tính nhanh, đặt lời giải bài toán phù hợp với đề bài.
- Làm được BT4. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Bộ thực hành Toán (6 thẻ chục và 13 que tính rời.), bảng cài.
- **HS:** SGK, thước kẻ, bảng con, vở.
- **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:**1. Ổn định:****2. Kiểm tra bài cũ:** Bài toán về nhiều hơn.

- GV cho HS lên giải toán, lớp làm bảng con phép tính.
- Nam : 8 quyển vở.
- Hà hơn Nam : 2 quyển vở.
- Hà :quyển vở?
- GV nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Gới thiệu:** Hôm nay, chúng ta sẽ luyện tập để củng cố dạng toán đã học.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện tập. SGK/25**Bài 1:** TLN.**Tóm tắt:**

- Cốc : 6 bút
- Hộp nhiều hơn : 2 bút
- Hộp : bút?
- Muốn tìm số bút trong hộp ta làm ntn? (Lấy số bút trong cốc cộng cho 2.)
- HD học sinh trình bày bài giải

Bài giải:

$$6 + 2 = 8 \text{ (bút chì)}$$

Đáp số: 8 bút chì.

- GV nhận xét.

Bài 2: TLN 5.

- HS trình bày nội dung bài toán dựa vào tóm tắt.
- An có 11 bưu ảnh. Bình có nhiều hơn An 3 bưu ảnh. Hỏi Bình có mấy bưu ảnh?
- HD học sinh trình bày bài giải

Bài giải

Số bưu ảnh Bình có là:

$$11 + 3 = 14 \text{ (bưu ảnh)}$$

Đáp số : 14 (bưu ảnh)

- GV nhận xét.

Bài 3: Giấm.

Bài 4a: HS làm bài vào vở.

HD học sinh tóm tắt và trình bài bài giải:

AB dài : 10 cm

CD dài hơn AB : 2 cm

CD dài : ? cm

Bài giải:

Đoạn thẳng CD dài là:

$$10 + 2 = 12 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 12 cm.

Bài 4b: Vẽ đoạn thẳng CD.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: 7 cộng với một số: $7 + 5$.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính , phấn.

TUẦN 6:**TOÁN.****7 CỘNG VỚI MỘT SỐ: $7 + 5$.****I. Yêu cầu:****1. Kiến thức:**

- Biết cách thực hiện phép cộng dạng $7 + 5$, lập được bảng 7 cộng với một số.
- Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng.
- Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.

2. Kỹ năng:

- Tính chính xác, nhanh.
- HS thuộc bảng 7 cộng với một số tại lớp. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- **GV:** Que tính, bảng cài.
- **HS:** Que tính, bảng cài, SGK, Bảng con, Vở.
- **Phương pháp:** Trực quan, hỏi đáp, thuyết trình, thực hành.
- **Hình thức tổ chức:** TLN. Cá nhân.

III. Lên lớp:**1. Ổn định:** Hát.**2. Kiểm tra bài cũ:** Luyện tập.

- **Bài toán:**
- Lớp 2B : 29 học sinh.
- Lớp 2C nhiều hơn lớp 2B : 8 học sinh.
- Lớp 2C : ? học sinh.
- GV nhận xét.

3. Bài mới:

- ❖ **Giới thiệu:** Hôm nay, ta học dạng toán 1 số cộng với 1 số qua bài 7 cộng với 1 số : $7 + 5$.

- ❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $7 + 5$.

- Có 7 que tính, lấy thêm 5 que tính nữa. Hỏi có tất cả mấy que tính? (HS thao tác trên que tính để tìm kết quả 12 que tính.)
- HS nêu cách làm.
- GV chốt bằng que tính.

– Đính trên bảng 7 que tính sau đính thêm 5 que tính nữa GV gộp 7 que tính với 3 que tính để có 1 chục (1 bó) que tính. Vậy $7 + 5 = 12$.

– GV hướng dẫn HS đặt tính theo cột dọc:

– GV yêu cầu HS lập bảng cộng dạng 7 cộng với 1 số.

– HS lập công thức cộng: $7 + 4 = 11$

$$7 + 5 = 12$$

$$7 + 9 = 16$$

– HS học thuộc bảng cộng 7.

Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện tập. SGK/25.

Bài 1: Yêu cầu HS nêu miệng.

Bài 2: HS làm vào bảng con..

Bài 4: HS làm vào vở.

– HS tóm tắt:

Tóm tắt:

Em : 7 tuổi.

Anh hơn em : 5 tuổi.

Anh : ? tuổi .

Bài giải:

Số tuổi anh là:

$$7 + 5 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 12 tuổi.

4. Củng cố:

– GDTT:

– Nhận xét.

5. Dặn dò:

– Chuẩn bị bài: $47 + 5$.

– HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

Thứ ba, ngày tháng năm 20

TOÁN.

47 + 5.

I. Yêu cầu:

1. **Kiến thức:**

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $47 + 5$ (cộng có nhớ dưới dạng tính viết.)
- Biết giải bài toán nhiều hơn theo tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng.

2. **Kĩ năng:**

- Thực hiện phép cộng có nhớ dạng $28 + 5$. Vận dụng vào giải toán có lời văn.
- Làm đúng các bài tập rõ ràng, sạch đẹp.

3. **Thái độ:**

- GD HS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Que tính, bảng cài.
- HS: Que tính, bảng cài, SGK, Bảng con, Vở.

III. Lên lớp:

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** 7 cộng với một số: $7 + 5$.

- Gọi HS làm lại bài 4/ sgk trang 26.

Bài giải:

Số tuổi anh có là:

$$7 + 5 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 12 tuổi.

- Nhận xét.

3. **Bài mới:**

- ❖ **Giới thiệu:** Để giúp các em biết thực hiện phép cộng dạng : cộng qua 10 có nhớ sang hàng chục và củng cố giải bài toán “ Nhiều hơn”

- ❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng $47 + 5$.

- GV nêu bài toán:
- Có 47 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu que tính? (HS thao tác trên que tính để tìm ra kết quả $47 + 5 = 12$.)
- GV hướng dẫn đặt tính theo cột dọc.

$$47 \qquad \qquad 7 \text{ cộng } 5 \text{ bằng } 12, \text{ viết } 2, \text{ nhớ } 1.$$

+ 4 thêm 1 bằng 5 , viết 5.

$$\begin{array}{r} \underline{\quad 5} \\ 52 \end{array}$$

Hoạt động 2: HD luyện tập:

Bài 1: Giảm (cột 4, 5). HS làm bảng con.

Bài 3: HS làm vào vở.

Bài giải:

Đoạn thẳng AB dài là:

$$17 + 8 = 25 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 25 cm.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhân xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: $47 + 25$.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính , phấn.

TOÁN.

47 + 25.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 47+25
- Biết giải và trình bày bài giải bài toán bằng một phép cộng.
- Làm được BT4. (HS khá, giỏi.)

2. Kỹ năng:

- Biết đặt tính, tính phép trừ có nhớ trong PV 100, dạng: 47 + 25.
- Biết giải và trình bày bài giải bài toán.
- Làm được BT4. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: 6 bó 1 chục que tính và 12 que tính rời.
- Que tính, bảng cài, SGK, Bảng con, Vở.

III. Lên lớp:

2. Kiểm tra bài cũ: 47 + 5.

- Nhận xét.

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu bài:

❖ Nội dung:

Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng 47+25. S/28.

- GV nêu bài toán: “Có 47 que tính, thêm 25 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính?” (Học sinh thao tác trên que tính để tìm ra kết quả phép cộng 47+25)
- Vậy 47+5= 72.
- GV hướng dẫn học sinh đặt tính, rồi tính:

$$\begin{array}{r} 47 \\ +25 \\ \hline 72 \end{array}$$

Lưu ý: Đặt tính (thẳng cột.)

Tính từ phải sang trái.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: HS làm bài vào bảng con. (Giảm cột 4, 5).

Bài 2: HS làm bài theo nhóm.

Bài 3: HS làm vào vở.

Bài giải:

Số người trong đội đó có là:

$$27 + 18 = 45 \text{ (người)}$$

Đáp số: 45 người.

- GDTT:
- Nhận xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn.

Thứ năm, ngày tháng năm 20

TOÁN.
LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Thuộc bảng bảng 7 cộng với một số.
- Biết thực hiện được phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $47 + 5$; $47 + 25$.
- Làm được BT5 (HS khá, giỏi.)

2. Kỹ năng:

- Thuộc bảng bảng cộng.
- Rèn kỹ năng thực hiện phép cộng dạng : $47 + 25$; $47 + 5$; $7 + 5$ (cộng qua 10, có nhớ dạng tính viết.)
- Làm được BT5 (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng phụ, SGK.
- HS: SGK, Bảng con, Vở.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: $47 + 25$.

- Nhận xét.

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu bài: Luyện tập.

❖ Nội dung:

Hoạt động 1: HD luyện tập. SGK/29

Bài 1: HS nêu miệng.

Bài 2: Giảm cột 2. HS làm vào bảng con.

Bài 3: Học sinh làm vào vở.

Bài giải:

Số quả cam hai thùng có là:

$$28 + 37 = 65 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 65 quả.

Bài 4: Trò chơi.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhận xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Bài toán về ít hơn.
- HS: Sgk, vở, bảng, HỒD toán, phấn.

Thứ sáu, ngày tháng năm 20

TOÁN.

BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết giải và trình bày bài giải bài toán về ít hơn.
- HS khá, giỏi giải được BT3.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán về ít hơn.
- HS khá, giỏi giải được BT3.

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bảng nam châm hoặc bảng gài và mô hình các quả cam .
- HS: SGK, Bảng con, Vở.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Luyện tập.

- Nhận xét.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu bài:** Bài toán về ít hơn.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu về bài toán ít hơn. SGK/30

- GV treo bảng gài và gài lần lượt các quả cam trên bảng ,rồi diễn tả đề toán
- Hàng trên có 7 quả cam (GV gài 7 quả cam.)
- Hàng dưới ít hơn hàng trên quả cam (Tức là tách 2 quả ít hơn, rồi chỉ cho học sinh thấy số quả cam ở hàng dưới.)
- GV cho học sinh nhắc lại bài toán (Giáo viên cần chỉ hình minh họa quả cam trên bảng gài.)
- Học sinh nhắc lại bài toán: “Hàng trên có 7 quả cam, hàng dưới ít hơn hàng trên hai quả. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam?”

Hoạt động 2: HD luyện tập.

Bài 1: HS TLN5.

Bài giải:

Số cây cam vườn nhà Hoa có là:

$$17 - 7 = 10 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 10 cây.

Bài 2: HS làm bài vào vở.

Tóm tắt:

An cao: 95 cm.

Bình thấp hơn An : 5cm.

Bình cao:.....cm ?

Bài giải:

Số cm chiều cao của Bình là:

$$95 - 5 = 90 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 90 cm.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhận xét tiết học.
- Chuẩn bị bài: Luyện tập
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn.

TUẦN 7:

TOÁN.
LUYỆN TẬP.

I. Yêu cầu:

1. **Kiến thức:**

- Biết giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn.
- HS khá, giỏi giải được BT1.

2. **Kỹ năng:**

- HS biết tóm tắt, đặt lời giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn
- HS khá, giỏi giải được BT1.

3. **Thái độ:**

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: SGK, bảng phụ.
- HS: SGK, Bảng con, Vở.

III. Lên lớp:

1. **Ổn định.**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Bài toán về ít hơn.

Bài toán: Vân cao 97cm, Phong thấp hơn Vân 7cm. Hỏi Phong cao bao nhiêu xăngtimet?

- Nhận xét qua KTBC.

3. **Bài mới:**

❖ **Giới thiệu bài:** Luyện tập.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: HD luyện tập.

Bài 2: HS nháp.

Bài giải:

Số tuổi của em là:

$$16 - 5 = 11 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 11 tuổi.

Bài 3: HS nêu miệng.

Bài giải:

Số tuổi của anh là:

$$11 + 5 = 16 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 16 tuổi.

Bài 4: HS làm vào vở.

Bài giải:

Số tầng toà nhà thứ hai có là:

$$16 - 14 = 12 \text{ (tầng)}$$

Đáp số: 12 tầng.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Nhận xét:

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Kiôgam.
- HS: Sgk, vở, bảng, que tính, phấn.

Thứ ba, ngày tháng năm 20

TOÁN.

KI LÔ GAM.

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết nặng hơn, nhẹ hơn giữa hai vật thông thường.
- Biết ki lô gam là đơn vị đo khối lượng; đọc, viết tên và kí hiệu của nó.
- Biết dụng cụ cân đĩa, thực hành cân một số đồ vật quen thuộc.
- Biết thực hiện các phép tính cộng, trừ với các số kèm theo đơn vị đo kilôgam.
- Làm được BT3. (HS khá, giỏi.)

2. Kỹ năng:

- Biết nặng hơn, nhẹ hơn giữa hai vật.
- Biết cái cân, quả cân và cách cân (cân đĩa).
- Nhận xét về đơn vị: ki lô gam, biết đọc, viết tên gọi là kí hiệu của kilôgam (kg).
- Biết thực hiện các phép tính cộng, trừ với các số kèm theo đơn vị đo kilôgam.
- Làm được BT3. (HS khá, giỏi.)

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Cân đĩa, với các quả cân 1kg, 2 kg, 5 kg.
- Một số đồ vật: túi gạo hoặc đường loại 1kg, một quyển sách toán 2, một quyển vở.
- HS: SGK, Vở.

III. Lên lớp:

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Nhận xét qua KTBC.

3. Bài mới:

❖ **Giới thiệu:** Kilôgam.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu vật nặng hơn, nhẹ hơn.

- GV yêu cầu học sinh, tay phải cầm 1 quyển sách toán 2, tay trái cầm 1 quyển vở
- + Quyển nào nặng hơn?
- + Quyển nào nhẹ hơn?
- Yêu cầu học sinh nhắc quả cân 1 kg, sau đó nhắc quyển vở.
- + Vật nào nặng hơn?
- + Vật nào nhẹ hơn?
- **GV kết luận:** Trong thực tế có vật nặng hơn hoặc nhẹ hơn vật khác. Muốn biết vật nặng nhẹ thế nào, ta phải cân vật đó.

Hoạt động 2: Giới thiệu cái cân đĩa và cách cân vật.

- GV cho học sinh quan sát cân đĩa thật và giới thiệu cái cân đĩa đó: với cân đĩa ta có thể xem vật nào nặng (nhẹ) hơn vật nào như sau:
- + Để gói kẹo lên đĩa và gói bánh lên một đĩa khác.
- Nếu cân thăng bằng ta nói: “Gói kẹo nặng bằng gói bánh”.

GV nêu tình huống:

- Nếu cân nghiêng về gói kẹo ta nói: “Gói kẹo nặng hơn gói bánh. Hoặc “Gói bánh nhẹ hơn gói kẹo”.
- Nếu cân nghiêng về phía gói bánh ta nói “Gói kẹo nhẹ hơn gói bánh” hoặc “gói bánh nặng hơn gói kẹo”.

Hoạt động 3: Giới thiệu kilôgam, quả cân 1 kilôgam.

- GV nêu: Cân các vật để cân mức độ nặng (nhẹ) thế nào ta dùng đơn vị đo là kilôgam ? Kilôgam viết tắt là: “ kg”
- GV giới thiệu tiếp các quả cân 1 kg, 2kg và 5kg.

Hoạt động 4: HD luyện tập.

Bài 1: cho học sinh xem hình vẽ và hướng dẫn học sinh đọc và viết tên đơn vị ki lô gam

- + Quả cân nặng năm kí lô gam viết năm kí lô gam
- + Quả bí ngô cân nặng ba kí lô gam, viết ba kí lô gam.

Bài 2: GV hướng dẫn học sinh làm bài (theo mẫu) HS làm vào vở.

- Học sinh làm vào bảng con

4. Củng cố:

- Cho học sinh thi đua làm toán.
$$47 \text{ kg} + 12 \text{ kg} = 59 \text{ kg}$$
$$24 \text{ kg} + 13 \text{ kg} = 37 \text{ kg}$$

- Nhận xét tiết học.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: Luyện tập.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn.

TOÁN. **LUYỆN TẬP.**

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Biết dụng cụ đo khối lượng: cân đĩa, cân đồng hồ (cân bàn)
- Biết làm tính cộng, trừ và giải toán với các số kèm theo đơn vị ki lô gam.

2. Kỹ năng:

- Làm quen với cân đồng hồ (cân bàn) và tập cân với cân đồng hồ (cân bàn).
- Rèn kỹ năng làm tính và giải toán với các số kèm theo đơn vị ki lô gam.

3. Thái độ:

- GDHS có tính cẩn thận khi làm toán.

II. Chuẩn bị:

- GV: Một cái cân đồng hồ (loại nhỏ) cân bàn (cân sức khoẻ).
- Túi gạo, túi đường, sách vở, hoặc quả cam, quả bưởi,...(nếu cần)
- HS: SGK, Vở.

III. Lên lớp:

1. Ổn định: Hát.

2. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên các loại cân mà em biết.
- Nhận xét qua KTBC.

3. Bài mới:

❖ Giới thiệu: Luyện tập.

❖ **Nội dung:**

Hoạt động 1: Giới thiệu cái cân đồng hồ cách cân bằng cân đồng hồ.

GV giới thiệu: Cân đồng hồ gồm có đĩa cân (Dùng để đựng các đồ vật cần cân.); mặt đồng hồ có một chiếc kim quay được và trên đó có ghi các số ứng với các vạch chia khi trên đĩa cân chưa có đồ vật thì kim chỉ số 0.

Cách cân: Đặt đồ vật trên đĩa cân, khi đó kim sẽ quay. Kim dừng lại vạch nào thì số tương ứng với vạch ấy cho biết vật đặt trên quả cân nặng bao nhiêu ki lô gam.

Hoạt động 2: HD luyện tập.

GV: NGÔ THỊ HUỆ

Bài 1: HS TLN

- a/ Túi cam cân nặng mấy ki lô gam? (Túi cam cân nặng 1 kg.)
- Học sinh tự cân các vật.
 - Cho học sinh lên bảng lần lượt tự cân các vật.
 - Nhận xét.

b/ Cho học sinh đứng lên cân bàn (cân sức khỏe) rồi đọc số ki lô gam cân được.

Bài 2: Giảm.

Bài 3: (Giảm cột 2.) Cả lớp làm bảng con.

$$3\text{kg} + 6\text{kg} - 4\text{kg} = 5\text{kg}.$$

$$15\text{kg} - 10\text{kg} + 7\text{kg} = 12\text{kg}.$$

$$8\text{kg} - 4\text{kg} + 9\text{kg} = 13\text{kg}.$$

$$16\text{kg} + 2\text{kg} - 5\text{kg} = 13\text{kg}.$$

- Nhận xét.

Bài 4:**Bài giải:**

Số ki lô gam gạo nếp là:

$$24 - 16 = 10\text{ (kg)}$$

Đáp số: 10 kg.

Bài 5: HS làm bài vào vở.

- GV cho học sinh nhận dạng về bài toán “nhiều hơn”.

Bài giải:

Số ki lô gam con ngỗng cân nặng là:

$$2 + 3 = 5\text{ (kg)}$$

Đáp số: 5 kg.

4. Củng cố:

- GDTT:
- Cho học sinh thi đua làm toán
- $3\text{kg} + 6\text{kg} - 4\text{kg}$
- $8\text{kg} - 4\text{kg} + 9\text{kg}$
- Nhận xét.

5. Dặn dò:

- Chuẩn bị bài: 6 cộng với một số $6 + 5$.
- HS: Sgk, vở, bảng, phấn, que tính.